TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HS - ST
Ngày: 18/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoằng.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà ***Phạm Thị Ngọc Yến*** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Ông ***Phan Văn Hóa*** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân TP.Pleiku, Gia Lai.

Ngày 18/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2022/HSST ngày 21/3/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. LƯU VĂN Đ. Tên gọi khác: Đ tám ngón; Đ cụt.

Giới tính: Nam. Sinh năm 1987, tại Lâm Đ.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 03, xã Q, huyện Đ, tỉnh L.

Chỗ ở: Thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh L.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Không.

Cha: Lưu Văn X, sinh năm 1940.

Mẹ: Chương Thị X, sinh năm 1949.

Bị cáo có 01 người chị ruột, sinh năm 1985.

Bị cáo sống chung như vợ chồng với Lê Thị Quỳnh T, sinh năm 1992.

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2016.

- Ngày 27/4/2010, bị Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh L xử phạt 02 năm tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 26/HSST; chấp hành án tại trại giam Đ, B. Ngày 29/12/2011, chấp hành xong hình phạt tù (lần bị kết án này, bị can đã được xóa án tích).

- Ngày 28/8/2012, bị Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh L xử phạt 03 năm tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 75/HSST; chấp hành án tại trại giam Đ, B. Ngày 12/4/2015, chấp hành xong hình phạt tù (lần bị kết án này, bị can chưa được xóa án tích).

- Ngày 28/5/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 18 năm tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), tại Bản án số 42/HSST ngày 28/5/2021.

Tiền án: 01 lần. Tiền sự: Không.

Bị cáo Lưu Văn Đ đang chấp hành án tại Trại giam Đ, B, có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN V. Tên gọi khác: V X.

Giới tính: Nam. Sinh năm 1993, tại N.

Nơi cư trú: Thôn Chư H, xã I, huyện I, tỉnh G.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không.

Cha: Nguyễn Văn N (không xác định được năm sinh và nơi cư trú).

Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

Bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 2003. Bị cáo chưa có vợ, con.

- Ngày 19/6/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Gây rối trật tự công cộng"* (theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 23/HSST; chấp hành án tại trại giam Đ, B. Ngày 01/11/2012, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 05/6/2013, bị Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh L xử phạt 09 năm tù về tội: *"Cướp tài sản"* (theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại Bản án số 52/HSST; chấp hành án tại trại giam Đ, B. Ngày 25/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Các lần bị kết án trên, bị cáo đều chưa được xóa án tích.

Tiền án: 02 lần. Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn V bị tạm giữ từ ngày 02/11/2020 đến ngày 05/11/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.P, có mặt tại phiên tòa.

3. **PHAN DUY K**. Tên gọi khác: K đần.

Giới tính: Nam. Sinh năm 1985, tại L.

Nơi cư trú: Tổ 16, K, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không.

Cha: Phan Hữu T, sinh năm 1961.

Mẹ: Hoàng Thị Kim D, tên gọi khác Hoàng Thị Thu H (đã chết).

Bị cáo có 01 người chị ruột, sinh năm 1984. Bị cáo chưa có vợ, con.

- Ngày 11/7/2006, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L xử phạt 09 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999), tại Bản án số 26/HSST; chấp hành án tại Trại giam Đ, B. Ngày 06/01/2007, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 18/9/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 02 năm tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 103/HSPT; chấp hành án tại Trại giam Đ, B, ngày 09/4/2015, chấp hành xong hình phạt tù.

Các lần bị kết án trên, bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 12/3/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh thành phố Đ, tỉnh L xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Cố ý gây thương tích"* (theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), tại Bản án số 32/HSST ngày 12/3/2021.

Ngày 28/5/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 15 năm tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), tại Bản án số 42/HSST ngày 28/5/2021.

Tiền sự: Không. Tiền án: Không.

Bị cáo Phan Duy K đang chấp hành án tại Trại giam Đ, B, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

Ông Hoàng V, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 153 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố P, tỉnh G, vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị M.

Địa chỉ: thôn C, xã I, huyện I, tỉnh G, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V là người đã bị kết án về các tội: *"Gây rối trật tự công cộng", "Cướp tài sản"* và chưa được xóa án tích; Lưu Văn Đ và Phan Duy K là những người đã bị kết án về tội: *"Trộm cắp tài sản"*. V, Đ, Kvà đối tượng tên T (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) có quan hệ quen biết nhau. Sáng ngày 25/6/2019, khi đang

ở tỉnh Đ, Đ rủ V, K và T đến TP.P, tỉnh G để tìm cơ hội trộm cắp xe mô tô; V, K và T đều đồng ý. Sau đó, V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave (chưa xác định được biển số) chở T, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter (chưa xác định được biển số) chở Đ đi từ huyện L, tỉnh Đ đến TP.P, tỉnh G. Khoảng 19 giờ ngày 26/6/2019, Đ, V, K và T đi dạo trên đường Phạm Văn Đ, phường T, TP.P để tìm cơ hội trộm cắp xe mô tô, thì phát hiện trong sân nhà số 153 đường Phạm Văn Đ có dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125, biển số 17B1-642.70, cửa cổng mở nhưng không có người trông coi; đây là xe mô tô của ông Hoàng Văn T (sinh năm 1974, ở địa chỉ trên). V và K dừng xe đứng cảnh giới, để Đ và T đi vào sân nhà ông T trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70. Đ dùng dụng cụ phá khóa tự chế bằng kim loại hình chữ "T" mang theo sẵn mở khóa cổ, khóa điện để T dắt xe mô tô 17B1-642.70 ra đường rồi nổ máy chở Đ tẩu thoát; V và K chạy theo sau. Khi cả nhóm chạy đến khu vực rừng cao su thuộc xã D, TP.P, Đ tháo biển số xe 17B1-642.70 ra cất giấu vào cốp, gắn biển số khác vào (biển số này Đ chuẩn bị sẵn từ trước, chưa xác định được số), rồi cả nhóm quay về tỉnh Đ. Khi về đến xã K, huyện L, tỉnh Đ, Đ cất giấu xe mô tô Honda SH vừa chiếm đoạt được của ông T trong nhà trọ do Đ thuê, rồi sau đó điều khiển xe này đến đường Gò D, quận T (nay là TP.T), TP.H bán cho một đối tượng nam giới tên Đ (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) được 27.000.000 đồng. Tiền bán xe mà có, Đ, V, K, T chia mỗi người 5.000.000 đồng; số còn lại, cả nhóm tiêu xài chung hết. Quá trình điều tra vụ án, do không xác định được đối tượng tên Đ mà Đ khai đã mua xe, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu giữ được xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, biển số 17B1-642.70. Qua định giá, xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125, biển số 17B1-642.70 của ông T bị Đ, V, K và T chiếm đoạt ngày 26/6/2019 có trị giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Sau khi cùng với Nguyễn Văn V và đối tượng tên T thực hiện vụ trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 của ông Hoàng Văn T tại TP.P như nêu trên, Lưu Văn Đ và Phan Duy K tiếp tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô khác trên địa bàn tỉnh Đ và tỉnh L. Đến ngày 23 và 25/10/2019, Đ và K lần lượt bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt giữ. Quá trình bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tạm giam để điều tra, Đ và K đã khai nhận về hành vi cùng với Nguyễn Văn V và đối tượng tên T trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, biển số 17B1-642.70 tại TP.P như nêu trên.

Ngày 31/10/2020, trong quá trình xác minh một số vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn tỉnh G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tiến hành làm việc với Nguyễn Văn V tại trụ sở Công an huyện Đ, tỉnh B. Quá trình làm việc, V đã khai nhận về hành vi cùng với Lưu Văn Đ, Phan Duy K và đối tượng tên T trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, biển số 17B1-642.70 vào ngày 26/6/2019 tại TP. đồng thời giao nộp 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu đen, 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart màu đen và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone

Xmax màu vàng. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đưa V về Công an TP.P lập biên bản đầu thú và chuyển các điện thoại di động mà V đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P để làm rõ, xử lý.

Sau khi đầu thú, khai nhận về hành vi cùng với Lưu Văn Đ, Phan Duy K và đối tượng tên T trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 vào ngày 26/6/2019 tại số nhà 153 đường Phạm Văn Đ, phường T, TP.P, thì Nguyễn Văn V tiếp tục tự thú và khai nhận: Vào các ngày 01/7/2020, 18/7/2020 và 20/8/2020, V đã cùng với các đối tượng tên T và H (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn TP.P, chiếm đoạt được 04 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH. Sau khi trộm cắp được xe, T và H mang đi bán rồi chia tiền cho V tiêu xài; V không biết T và H bán xe cho ai, ở đâu. Tuy nhiên sau đó V thay đổi lời khai, phủ nhận đã tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn TP.P như đã khai trước đây, đồng thời cung cấp một số chứng cứ cho rằng V không có mặt ở hiện trường các vụ trộm xe mô tô vào các ngày 01/7/2020, 18/7/2020 và 20/8/2020 tại TP.P. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã thực hiện nhiều biện pháp điều tra, nhưng vẫn chưa xác định được các đối tượng tên T, H theo như lời khai ban đầu của V, không thu thập được thêm chứng cứ để chứng minh cho lời khai ban đầu của V. Do chưa có đủ căn cứ để kết luận V đã cùng đồng phạm thực hiện 04 vụ trộm xe mô tô vào các ngày 01/7/2020, 18/7/2020 và 20/8/2020 trên địa bàn TP.P, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã tách các vụ án trộm cắp này ra để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Quá trình điều tra vụ án, Lưu Văn Đ và Phan Duy K khai đối tượng tên T đã tham gia thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 của ông Hoàng Văn T vào ngày 26/6/2019 cùng với Đ, K và Nguyễn Văn V là Bùi Minh T (sinh năm 1990, trú xã L, huyện B, tỉnh L); Đ và K khai đối tượng T này còn có tên gọi là *"T Khế"*. Tuy nhiên qua làm việc với Bùi Minh T, thì T chỉ thừa nhận có quen biết Đ và không quen biết K, V; T không thừa nhận việc tham gia trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 tại TP.P cùng với Đ, K, V như Đ và K đã khai. Đối với V, cũng không thừa nhận có quen biết Bùi Minh T và không thừa nhận đã cùng đối tượng T này trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 vào ngày 26/6/2019 tại số nhà 153 đường Phạm Văn Đ, phường T, TP.P. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu thập được tài liệu, chứng cứ gì khác xác định Bùi Minh T là đồng phạm với Đ, K và V trong vụ trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 nêu trên, nên không có đủ căn cứ để kết luận theo lời khai của Đ và K.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave (chưa xác định được biển số) là phương tiện Nguyễn Văn V sử dụng chở đối tượng tên T đi từ huyện L, tỉnh Đ đến TP.P, tỉnh G, sau đó đi trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 của ông Hoàng Văn T ở số 153 đường Phạm Văn Đ, phường T, TP.P vào ngày 26/6/2019, quá trình điều tra V

khai xe mô tô trên là của T. Do Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng tên T, nên chưa làm rõ, xử lý được đối với xe mô tô nêu trên.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter (chưa xác định được biển số) do Phan Duy K điều khiển chở Lưu Văn Đ đi từ huyện L, tỉnh Đ sang TP.P, tỉnh G, sau đó đi trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 của ông Hoàng Văn T ở số 153 đường Phạm Văn Đ, phường T, TP.P vào ngày 26/6/2019, quá trình điều tra K khai xe mô tô trên là của K, do K mua lại của người khác nhưng không làm thủ tục sang tên đăng ký và K cũng không nhớ biển số xe này. Sau đó, K đã bán lại xe cho người khác, nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ người mua, nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ, xử lý được đối với xe mô tô trên.

Đối với dụng cụ phá khóa tự chế bằng kim loại hình chữ "T" mà Lưu Văn Đ đã sử dụng để mở khóa, chiếm đoạt xe mô tô 17B1-642.70 của ông Hoàng Văn T vào ngày 26/6/2019, sau đó Đ đã vứt bỏ trên đường về tỉnh Đ nhưng không nhớ địa điểm, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với biển số xe mô tô do Lưu Văn Đ chuẩn bị sẵn từ trước, sau đó gắn vào xe mô tô Honda SH chiếm đoạt của ông Hoàng Văn T vào ngày 26/6/2019, quá trình điều tra Đ khai biển số này do Đ nhặt được và không nhớ số; sau đó, Đ đã bán xe cùng với biển số này cho đối tượng tên Đ ở TP.T, TP.H. Do Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng tên Đ và chưa thu giữ được xe mô tô Honda SH của ông T, nên chưa làm rõ, xử lý được đối với biển số xe mô tô trên.

Đối với các điện thoại di động do Nguyễn Văn V giao nộp (gồm 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xmax màu vàng), quá trình điều tra xác định V không sử dụng các điện thoại này trong quá trình cùng với Lưu Văn Đ, Phan Duy K và đối tượng tên T chiếm đoạt xe mô tô 17B1-642.70 của ông Hoàng Văn T vào ngày 26/6/2019. Tuy nhiên, theo lời khai ban đầu của Đ sau khi ra đầu thú, thì V có sử dụng điện thoại di động để liên lạc với các đối tượng tên T, H khi thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn TP.P vào các ngày 01/7/2020, 18/7/2020 và 20/8/2020. Do các vụ trộm cắp trên chưa được làm rõ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P tiếp tục tạm giữ các điện thoại di động của V để phục vụ công tác điều tra.

Ngoài lần trộm cắp trong vụ án này, Lưu Văn Đ, Nguyễn Văn V và đồng phạm khác còn thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, biển số 81B1-178.99 tại số 64 đường Hùng V, TP.P, tỉnh G vào ngày 23/6/2019. Do Đ và đồng phạm còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp khác trên địa bàn tỉnh Đ, nên ngày 19/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã chuyển vụ án trộm cắp xe mô tô nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ để xử lý chung.

Về dân sự: Quá trình điều tra vụ án, ông Hoàng Văn T yêu cầu được bồi thường trị giá xe mô tô 17B1-642.70 đã bị chiếm đoạt với số tiền 50.000.000 đồng. Hiện Nguyễn Văn Vt, Lưu Văn Đ và Phan Duy K chưa bồi thường cho ông T theo yêu cầu trên.

Nguyễn Văn V, Lưu Văn Đ và Phan Duy K đều có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, đều thành khẩn khai nhận về hành vi của bản thân, đồng phạm và các tình tiết có liên quan. Riêng V sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nhưng sau đó thay đổi lời khai, gây khó khăn cho công tác điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT - VKS ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo:

Nguyễn Văn V về tội: *"Trộm cắp tài sản",* theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự ; Lưu Văn Đ và Phan Duy K về tội: *"Trộm cắp tài sản",* theo quy định tại c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn V; Lưu Văn Đ và Phan Duy K phạm tội: *"Trộm cắp tài sản";*

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn V.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lưu Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 55 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tổng hợp hình phạt với bản án số 42/2021/HS – ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, buộc bị cáo Lưu Văn Đ phải chấp hành một hình phạt chung cho cả hai bản án từ 20 năm 6 tháng đến 21 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Duy K.

Xử phạt bị cáo Phan Duy K mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tổng hợp hình phạt với bản án số 42/2021/HS – ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ và bản án số 32/2021/HSST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L buộc bị cáo Phan Duy K phải chấp hành một hình phạt chung cho cả ba bản

án từ 20 năm đến 20 năm 06 tháng tù.

Về Dân Sự:

Buộc các bị cáo Lưu Văn Đ và Phan Duy K phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền còn lại là 33.000.000đ.

Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo không có ai có ý kiến tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng:

-Bị cáo Nguyễn Văn V: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được sớm quay về với gia đình và xã hội.

-Bị cáo Lưu Văn Đ: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo được sớm quay về với gia đình và xã hội

-Bị cáo Phan Duy K: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn V, vì bị cáo V là do tôi và bị cáo Đ rủ rê, lôi kéo vào con đường phạm tội, ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo có lời khai hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, biên bản đầu thú và các lời khai của người bị hại đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ khẳng định trong các ngày 26/6/2019 Nguyễn Văn V, Phan Duy K, Lưu Văn Đ đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu là anh Hoàng Văn T, các bị cáo đã chiếm đoạt một xe máy hiệu SH mode có giá trị 50.000.000đ sau đó đã cùng đồng bọn bán và chia nhau tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra bị cáo V còn tự thú những lần tham gia trộm cắp xe tại TP.P, cụ thể: ngày 01/7/2020; ngày 18/7/2020 và 20/8/2020 V cùng với T và H (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH trên địa bàn TP.P, sau khi trộm cắp được xe T và H mang xe đi bán rồi chia tiền cho V tiêu xài, nên V không biết xe T và H bán ở đâu, bán cho ai, tuy nhiên

sau đó V thay đổi lời khai phủ nhận đã tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn TP.P trước đây.

Qua thu thập và xác minh thì xác định được thời điểm các ngày 01/7/2020; ngày 18/7/2020 và 20/8/2020 V không có mặt tại TP.P nên không thể thực hiện được các vụ trộm cắp tài sản nói trên, đồng thời hiện vẫn chưa xác định được các đối tượng tên T và H, nên ngoài lời khai ban đầu của V thì không có căn cứ gì để chứng minh về việc bị cáo V có tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản nêu trên tại TP.P, vì vậy Cơ quan CSĐT công an TP.P đã tách các vụ án trộm cắp xe này ra để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn V bị truy tố về tội: " Trộm cắp tài sản" theo theo các điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, trong vụ án này cơ quan điều tra chỉ chứng minh được bị cáo V tham gia trộm cắp tài sản 01 lần, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm và bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ.

[4] Đối với bị cáo Lưu Văn Đ bị truy tố về tội: " Trộm cắp tài sản" theo các điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, bị cáo đã tham gia thực hiện một vụ trộm cắp tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ.

[5] Đối với bị cáo Phan Duy K, bị truy tố về tội: " Trộm cắp tài sản" theo theo các điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, mặc dù bị cáo không có tiền án, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu đã 03 lần bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 lần bị xét xử về tội "Cố ý gây thương tích". Trong vụ án này bị cáo cùng đồng bọn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ.

Vì vậy việc VKSND TP.Pleiku đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo các điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Lưu Văn Đ và Phan Duy K phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên chỉ vì thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt về tội Trộm cắp tài sản, tuy nhiên các bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội, hành vi của các bị cáo gây dư luận xấu trong xã hội đồng thời gây ảnh hưởng tình hình trật tự trị an tại địa phương, đã xâm phạm đến khách thể là tài sản của công dân được nhà nước và pháp luật bảo vệ, vì vậy cần thiết phải lên cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn V đã tích cực bồi thường cho gia đình bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và đã đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ đầu thú theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51BLHS, các bị cáo Nguyễn Văn V, Lưu Văn Đ và Phan Duy K được áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[8] Về tình tiết tăng nặng bị cáo Lưu Văn Đ bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "Tái phạm", theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, trên đây là những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo, HĐXX sẽ xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Các bị cáo Lưu Văn Đ và Phan Duy K hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ, B theo bản án số 42/HSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, ngoài ra bị cáo Phan Duy K còn bị xét xử tại bản án số 32/2021/HSST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân TP.Đ, tỉnh L xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS, hiện các bản án nói trên đã có hiệu lực nên HĐXX sẽ tổng hợp bản án nói trên đối với các bị cáo Lưu Văn Đ và Phan Duy K theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với đối tượng tên T, là người bị cáo Nguyễn Văn V khai đã tham gia cùng với V, Lưu Văn Đ và Phan Duy K thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô 17B1-642.70 của ông Hoàng Văn T vào ngày 26/6/2019 tại TP.P, quá trình điều tra do V không biết rõ, không cung cấp được thông tin về nhân thân, địa chỉ của T, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng T nêu trên, sẽ làm rõ và xử lý sau.

[11] Đối với đối tượng tên Đ ở đường G, TP.T, TP.H, là người bị cáo Lưu Văn Đ khai đã mua xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125 do Đ và các bị cáo Nguyễn Văn V, Phan Duy K chiếm đoạt của ông Hoàng Văn T vào ngày 26/6/2019 tại TP.P, quá trình điều tra do Đ không biết rõ, không cung cấp được thông tin về nhân thân, địa chỉ của đối tượng Đ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng Đ nêu trên, sẽ làm rõ và xử lý sau.

[12]***Về dân sự:***

Bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường xong phần nghĩa vụ của mình, số tiền còn lại là 33.000.000đ buộc các bị cáo Lưu Văn Đ và Phan Duy K mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 16.500.000đ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn Đ; Nguyễn Văn V; Phan Duy K phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

* Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn V.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày: 02/11/2020.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lưu Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ 30 (ba mươi) tháng tù

Áp dụng Điều 56 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tổng hợp hình phạt:

Tổng hợp bản án số: 42/2021/HS – ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ: 18 năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo Lưu Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 20 (hai mươi) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2019.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Duy K.

Xử phạt bị cáo Phan Duy K 28 (hai mươi tám) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tổng hợp hình phạt:

Tổng hợp bản án số: 42/2021/HS – ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt bị cáo Phan Duy K: 15 năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản" và bản án số 32/HSST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh thành phố Đ, tỉnh L, xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Cố ý gây thương tích"* (theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Buộc bị cáo Phan Duy K phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là: 19 (mười chín) năm, 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2019.

3.Về Dân sự:

Căn cứ Điều 589 BLDS 2015, Điều 46; 48 BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Lưu Văn Đ phải bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Phan Duy K phải bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền: 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thh hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V, Lưu Văn Đ, Phan Duy K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Lưu Văn Đ, Phan Duy K mỗi bị cáo phải chịu 825.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

5. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (18/7/2022) các bị cáo Nguyễn Văn V, Lưu Văn Đ, Phan Duy K có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đối với những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND TP. P;
-Tòa án tỉnh G;
-Chi cục THA dân sự TP. P;
-Các bị cáo;
-Những người tham gia TT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Xuân Hồng